

Cập nhật danh lục họ Ráy ở Việt Nam

Trần Văn Tiên^{1*}, Nguyễn Văn Du², Trịnh Xuân Thành²

¹Học viện Hành chính và Quản trị công, 77 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

²Viện Sinh học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 18 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài 25/3/2025; ngày chuyển phản biện 27/3/2025; ngày nhận phản biện 17/4/2025; ngày chấp nhận đăng 24/4/2025

Tóm tắt:

Họ Ráy (Araceae) ở Việt Nam là một trong những họ thực vật thuộc lớp một lá mầm có mức độ đa dạng sinh học rất cao về thành phần loài. Trong những năm gần đây, nhờ vào sự phát triển của các phương pháp nghiên cứu hiện đại và sự quan tâm ngày càng tăng đối với hệ thực vật bản địa, số lượng loài thuộc họ Ráy được phát hiện và ghi nhận tại Việt Nam đã gia tăng đáng kể. Bài báo này tổng hợp và trình bày một danh lục cập nhật gồm 153 loài thuộc 24 chi trong họ Ráy, được phát hiện và xác định trong thời gian gần đây tại nhiều vùng sinh thái khác nhau trên cả nước. Tất cả các loài đều được giới thiệu kèm theo danh pháp chính xác và năm công bố, đảm bảo tính khoa học và tính pháp lý của thông tin. So với cuốn *Thực vật chí họ Ráy* xuất bản năm 2017, danh lục này đã bổ sung thêm nhiều loài mới và ghi nhận mới, góp phần quan trọng vào việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu về thành phần loài của họ Ráy tại Việt Nam. Những phát hiện này không chỉ nâng cao hiểu biết về sự đa dạng của họ Ráy mà còn khẳng định rõ nét hơn về mức độ phong phú và độc đáo của hệ thực vật Việt Nam.

Từ khóa: danh lục thực vật, đa dạng loài, họ Ráy (Araceae), một lá mầm, Việt Nam.

Chỉ số phân loại: 1.6, 4.7

Updated checklist of Araceae in Vietnam

Van Tien Tran^{1*}, Van Du Nguyen², Xuan Thanh Trinh²

¹Academy of Public Administration and Governance, 77 Nguyen Chi Thanh Street, Lang Ha Ward, Dong Da District, Hanoi, Vietnam

²Institute of Biology, Vietnam Academy of Science and Technology, 18 Hoang Quoc Viet Street, Nghia Do Ward, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

Received 25 March 2025; revised 17 April 2025; accepted 24 April 2025

Abstract:

The Araceae family in Vietnam is one of the most biologically diverse families of monocotyledonous plants in terms of species composition. In recent years, thanks to advancements in modern research methods and growing interest in native plant species, the number of Araceae species discovered and recorded in Vietnam has significantly increased. This article compiles and presents an updated checklist of 153 species belonging to 24 genera of the Araceae family, which have been identified and documented recently across various ecological regions of the country. All species are listed with their correct scientific names and the year of publication, ensuring both scientific accuracy and legal validity of the information. Compared to the *Flora of Araceae* published in 2017, this checklist includes many newly recorded and newly described species, making a valuable contribution to the improvement of the database of Araceae species in Vietnam. These findings not only enhance our understanding of the diversity within the Araceae family but also further affirm the richness and uniqueness of Vietnam's flora.

Keywords: Araceae, monocotyledons, plant checklist, species diversity, Vietnam.

Classification numbers: 1.6, 4.7

*Tác giả liên hệ: Email: tientv@nava.vn

1. Đặt vấn đề

Họ Ráy (Araceae) ở Việt Nam là một họ khá lớn trong lớp thực vật một lá mầm (Monocotyledoneae), hiện có tới hơn 153 loài. Trong những năm gần đây, liên tục có các phát hiện các taxon mới của họ này ở Việt Nam, làm cho số lượng loài tăng lên từ 70 loài [1], 85 loài [2], 135 loài [3] và số loài dự đoán là có thể tới 160 loài. Mặc dù đã được nghiên cứu từ rất lâu nhưng do đặc thù về mặt hình thái và sinh học cũng như về phân bố và nơi sống như ra hoa, ra lá vào các thời gian khác nhau trong năm, đa dạng về địa hình phân bố từ vùng duyên hải tới vùng núi cao, đa dạng về nơi sống có thể sống trên cạn, nơi ngập nước, phụ sinh trên cây gỗ... Do đó, hằng năm các thông tin về nơi phân bố, nơi sống và thành phần loài của họ Ráy ở Việt Nam vẫn luôn được cập nhật. Từ những năm 1994 tới nay, nhiều công trình bổ sung về thành phần loài cho họ Ráy đã được công bố. Trong đó phải kể tới các công bố mới về chi *Nura* ở Việt Nam của W.L.A. Hettterscheid (1994) [4], W.L.A. Hettterscheid và cs (2001) [5], J. Bogner và cs (2008) [6] đã mô tả một loài Thiên niên kiện mới từ mẫu thu được từ Vườn quốc gia Bạch Mã (TP Huế)... Ở miền Bắc, V.D. Nguyen và cs (2006) [7] đã cùng với các nhà thực vật quốc tế có những công bố mới về thành phần họ Ráy như mô tả loài *Hapaline locii* V.D. Nguyen & Croat ở Lào Cai (Văn Bàn); 2 loài thuộc chi *Nam Tinh* (*Arisaema*) ở Hà Giang và Cao Bằng [8], 1 loài thuộc chi *Rhaphidophora* [9], 1 loài mới thuộc chi *Stuednera* ở Lai Châu [9], một số loài mới cho khoa học thuộc các chi khác nhau đã được các nhà khoa học mô tả từ mẫu thu được ở cả 3 miền Bắc, Trung và Nam Bộ... và nhiều loài bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam [8-15]. Ngoài ra, một số nhà thực vật ở TP Hồ Chí Minh cũng tham gia nghiên cứu các taxon trong họ Ráy và mô tả một số loài mới thuộc các chi *Arisaema*, *Typhonium*, *Amorphophallus* được phát hiện ở khu vực Nam Trung Bộ và Nam Bộ [16-19], qua đó góp phần đáng kể làm cho số lượng loài thuộc họ Ráy ngày càng tăng lên.

Trong bài báo này, chúng tôi thống kê lại toàn bộ 153 loài Ráy bản địa thuộc 24 chi đã được ghi nhận ở Việt Nam. Do giới hạn độ dài bài viết, chúng tôi chỉ giới thiệu tên khoa học, năm công bố và tên Việt Nam của các chi, các loài. Hầu như tất cả các loài được thống kê ở đây đều đã được kiểm chứng qua các chuyến điều tra thực địa, thu thập và nghiên cứu mẫu cũng như tham khảo các tài liệu được công bố gần đây.

2. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng

Đối tượng nghiên cứu là các taxon bậc chi, loài và dưới loài hoang dại trong họ Ráy (Araceae) được ghi nhận có mặt tại Việt Nam.

2.2. Nội dung

- Nghiên cứu về thành phần loài, thống kê các loài đã được ghi nhận trong các tài liệu khoa học liên quan tới họ Ráy ở Việt Nam.

- Nghiên cứu danh pháp gồm: tên khoa học đúng, chính xác, năm công bố, tên tiếng Việt (nếu có).

2.3. Phương pháp nghiên cứu

- Tra cứu các tài liệu chuyên khảo để ghi nhận, chỉnh lý danh pháp thực vật của các taxon, tham khảo các bài báo khoa học mới công bố gần đây.

- Nghiên cứu mẫu tiêu bản, mẫu sống ngoài thực địa: Sử dụng phương pháp hình thái so sánh trong công tác định loại các taxon, đối chiếu với các tài liệu chuyên khảo.

3. Kết quả cập nhật danh lục các loài họ Ráy (Araceae) ở Việt Nam

Aglaonema Schott, 1829 - Vạn niên thanh

1. *Aglaonema brevispathum* (Engl.) Engl. 1915 - Vạn niên thanh mo ngắn.
2. *Aglaonema cochinchinense* Engl. 1915 - Vạn niên thanh Nam Bộ.
- 3a. *Aglaonema costatum* N.E. Br. 1892 - Vạn niên thanh lá đốm.
- 3b. *Aglaonema costatum* form. *immaculatum* (Ridl.) Nicolson, 1969 - Vạn niên thanh lá sọc.
4. *Aglaonema modestum* Schott ex Engl. 1898.
5. *Aglaonema ovatum* Engl. 1898 - Vạn niên thanh lá hình trứng.
6. *Aglaonema simplex* (Blume) Blume, 1837.

Aglaodorum Schott, 1858 - Vạn niên thanh cửa sông

7. *Aglaodorum griffithii* (Schott) Schott, 1858 - Mái dầm.

Alocasia (Schott) G. Don, 1839 - Ráy

8. *Alocasia cucullata* (Lour.) G. Don, 1839 - Chim mỵ vú.
9. *Alocasia evrardii* Gagnep. 1942 - Ráy σ-va-di.
10. *Alocasia lecomtei* Engl. in Engl. & K. Krause, 1920 - Ráy lê cô m tê.
11. *Alocasia longiloba* Miq. 1856 - Ráy lá dài.
12. *Alocasia macrorrhizos* (L.) G. Don, 1839 - Ráy lá to.
13. *Alocasia odora* (Roxb.) C. Koch, 1854 - Ráy.
14. *Alocasia vietnamensis* V.D. Nguyen & De Kok, 2013 - Ráy Việt Nam.

Amorphophallus Blume ex Decne. 1834 - Nưa

15. *Amorphophallus coudercii* (Bogner) Bogner, 1986 - Nưa couder.
16. *Amorphophallus corrugatus* N.E. Br. 1912 - Nưa đầu nhăn.
17. *Amorphophallus crinitus* A. Galloway, Luu, Malkm.-Huss., Prehlsler & Claudel, 2019.
18. *Amorphophallus dzuui* Hett. 2001 - Nưa dư.
19. *Amorphophallus fallax* (*Serebryanyi*) Hett. & C. Claudel, 2012 - Nưa già.
20. *Amorphophallus glossophyllus* Hett. 1994 - Nưa lá hình lưỡi.
21. *Amorphophallus harmandii* Engl. et Gehrm - Nưa harmand.
22. *Amorphophallus interruptus* Engl. & Gehrm. 1911 - Nưa hoa vũng.

23. *Amorphophallus konjac* K. Koch, 1858 - Nưa konjac.
 24. *Amorphophallus krausei* Engl. & Gehrm. 1911.
 25. *Amorphophallus kuznetsovii* Serebryanyi, 1995 - Nưa kuznetsov.
 26. *Amorphophallus lacourii* Linden & André, 1878 - Nưa lacour.
 27. *Amorphophallus lanceolatum* Serebryanyi, 1995 - Nưa lá hình mác.
 28. *Amorphophallus lanuginosus* Hett. 1994 - Nưa lông.
 29. *Amorphophallus mekongensis* Engl. & Gehrm. 1911 - Nưa mê công.
 30. *Amorphophallus opalinus* Serebryanyi & Hett. 2023 - Blumea.
 31. *Amorphophallus orchroleucus* Hett. & V.D. Nguyen, 2001 - Nưa mo vàng.
 32. *Amorphophallus opertus* Hett. 1994 - Nưa mo mở ít.
 33. *Amorphophallus paeoniifolius* (Dennst.) Nicolson, 1977 - Nưa chuông.
 34. *Amorphophallus pilosus* Hett. 1994 - Nưa có sợi.
 35. *Amorphophallus pseudoharmandii* (Engl.) Hett. 2012.
 36. *Amorphophallus scaber* Serebryanyi & Hett. 1994.
 37. *Amorphophallus sinuatus* Hett. & V.D. Nguyen, 2003.
 38. *Amorphophallus synandrifer* Hett. & V.D. Nguyen, 2001 - Nưa hoa đực khối.
 39. *Amorphophallus tenuistylis* Hett. 1994 - Nưa nùm nhụy mỏng.
 40. *Amorphophallus umbrinus* A. Galloway, Luu, Malkm.-Huss., Prehler & Claudel, 2019.
 41. *Amorphophallus verticillatus* Hett. 1994 - Nưa hoa đực vũng.
 42. *Amorphophallus yunnanensis* Engl. & Gehrm. 1911 - Nưa Vân Nam.
 43. *Amorphophallus tonkinensis* Engl. & Gehrm. 1911 - Nưa Bắc Bộ.
 44. *Amorphophallus villosus* A. Galloway, Luu, Malkm.-Huss., Prehler & Claudel, 2019.
 45. *Amorphophallus yuloensis* H. Li, 1988.
***Amydrium* Schott, 1863 - Chi Ráy a mi rum**
 46. *Amydrium hainanense* (C.C. Ting & C.Y. Wu ex H. Li & al.) H. Li, 1979 - Ráy a mi rum Hải Nam.
 47. *Amydrium sinensis* (Engl.) H. Li 1979. Fl. Reip. Pop. Sin. 13(2): 23, pl. 4(8-10) - Ráy a mi rum Trung Quốc, Vân Trùng Trung Quốc.
***Anadendrum* Schott, 1857 - Chi Thăng mộc**
 48. *Anadendrum chlorospathum* V.D. Nguyen, Q.D. Dinh & P.C.Boyce, 2019. Blumea 64: 191.
 49. *Anadendrum microstachyum* (De Vriese & Miq.) Backer & Alderw. 1920.
***Arisaema* Mart. 1831 - Nam tinh**
 50. *Arisaema averyanovii* V.D. Nguyen & P.C. Boyce, 2005 - Nam tinh Averyanov.
 51. *Arisaema balansae* Engl. 1920 - Nam tinh balansae.
 52. *Arisaema claviforme* P. Bruggeman, J. Ponert, R. Rybková, T.B. Vuong, 2013.
 53. *Arisaema condaoense* V.D. Nguyen, 2000 - Nam tinh Côn Đảo.
 54. *Arisaema consanguineum* Schott, 1859.
 55. *Arisaema decipiens* Schott, 1857 - Nam tinh bóng.
 56. *Arisaema franchetianum* Engl. 1881 - Nam tinh.
 57. *Arisaema garrettii* Gagnep. 1941 - Nam tinh garret.
 58. *Arisaema honbaensis* Luu, Tich, G. Tran & V.D. Nguyen, 2013 - Nam tinh Hòn Bà.
 59. *Arisaema liemiana* Luu, H.T. Van, H.C. Nguyen & V.D. Nguyen, 2020. Phytotaxa 000:000-000.
 60. *Arisaema lihengianum* J. Murata & S.K. Wu, 2003.
 61. *Arisaema menglaense* Y.H. Ji, H. Li & Z.F. Xu, Ann. Bot. Fenn. 41:133 (2004).
 62. *Arisaema omkoiense* Gusman, 2001 - Nam tinh omkoi.
 63. *Arisaema parisifolia* J. Murata, 2005.
 64. *Arisaema pierreanum* Engl. 1920 - Nam tinh pi-e.
 65. *Arisaema petelotii* K. Krause, 1932 - Nam tinh pê tê lô.
 66. *Arisaema petiolulatum* Hook. f. 1893 - Nam tinh lá có cuống.
 67. *Arisaema pingbianense* H. Li, 1988 - Nam tinh pingbian.
 68. *Arisaema ramulosum* Alderw. 1922 - Nam tinh cao bằng.
 69a. *Arisaema rhizomatum* C.E.C. Fisch. 1936 - Nam tinh thân rễ.
 69b. *Arisaema rhizomatum* var. nudum C.E.C. Fisch. 1936.
 70. *Arisaema rostratum* V.D. Nguyen & P.C. Boyce, 2005 - Nam tinh trung đới dài.
 71. *Arisaema roxburghii* Kunth, 1841 - Nam tinh rô bắc ghi.
 72. *Arisaema victoriae* V.D. Nguyen, 2000 - Ráy vic-to.
 73. *Arisaema vietnamense* Luu, Q.B. Nguyen, H.C. Nguyen & T.Q.T. Nguyen, 2022 - Nam tinh Việt Nam.
***Colocasia* Schott, 1832 - Khoai môn**
 74. *Colocasia esculenta* (L.) Schott, 1832 - Khoai môn.
 75. *Colocasia gigantea* (Blume) Hook. f. 1893 - Dọc mùng, Bạc hà.
 76. *Colocasia lihengiae* C.L. Long & K.M. Liu, 2001 - Khoai sọ lý.
 77. *Colocasia menglaensis* J.T. Yin, H. Li & Z.F. Xu, 2004 - Khoai sọ cuống có lông.
 78. *Colocasia spongifolia* P. Matthew, V.D. Nguyen, Q. Fang & C.L. Long, 2022.
***Cryptocoryne* Fisch. ex Wydler, 1830 - Mái dầm**
 79. *Cryptocoryne annamica* Serebryanyi, 1991 - Mái dầm trung bộ.
 80a. *Cryptocoryne crispata* Engl. 1920 - Mái dầm.
 80b. *Cryptocoryne crispata* var. balansae (Gagnep.) N. Jacobsen, 1991.
 80c. *Cryptocoryne crispata* var. tonkinensis (Gagnep.) N. Jacobsen, 1991 - Mái dầm Bắc Bộ.
 81. *Cryptocoryne vietnamensis* Hertel & Muhlberg, 1994 - Mái dầm Việt Nam.

- Cyrtosperma Griff. 1851 - Ráy đuôi lá dài**
82. *Cyrtosperma merkusii* (Hassk.) Schott, 1857.
- Epipremnum Schott, 1857 - Thuởng cán**
83. *Epipremnum giganteum* (Roxb.) Schott, 1857 - Thuởng cán lá lớn.
84. *Epipremnum pinnatum* (L.) Engl. & K. Krause, 1908 - Thuởng cán lá lông chim.
- Hapaline Schott, 1858 - Hấp linh**
85. *Hapaline benthamiana* Schott, 1858 - Hấp linh ben tham.
86. *Hapaline colaniae* Gagnep. 1941 - Hấp linh cô la.
87. *Hapaline ellipticifolia* C.Y. Wu & H. Li, 1977 - Hấp linh lá hình bầu dục.
88. *Hapaline locii* V.D. Nguyen & Croat, 2006 - Hấp linh lộc.
- Homalomena Schott, 1832 - Thiên niên kiện**
89. *Homalomena occulta* (Lour.) Schott, 1832 - Thiên niên kiện hoa ần.
90. *Homalomena pendula* (Blume) Bakh.f. 1957 - Thiên niên kiện lá lớn.
91. *Homalomena piereana* Engl. & K. Krause, 1912 - Thiên niên kiện pi-e.
92. *Homalomena tonkinensis* Engl. 1879 - Thiên niên kiện Bắc Bộ.
93. *Homalomena vietnamense* J. Bogner & V.D. Nguyen, 2008 - Thiên niên kiện Việt Nam.
- Lasia Lour. 1790 - Chóc gai**
94. *Lasia spinosa* (L.) Thw. 1864 - Chóc gai.
- Pistia L. 1753 - Bèo cái**
95. *Pistia stratiotes* L. 1753 - Bèo cái.
- Pothos L. 1753 - Chi ráy leo**
96. *Pothos chinensis* (Raf.) Merr. 1948 - Ráy leo Trung Quốc.
97. *Pothos dzui* P.C. Boyce, 2000 - Ráy leo dư.
98. *Pothos gigantipes* Buchet ex P.C. Boyce, 2000 - Ráy leo thân to.
99. *Pothos grandis* Buchet ex P.C. Boyce & V.D. Nguyen, 1995 - Ráy leo lá bướ; Com lênh lá bướ.
100. *Pothos kerrii* Buchet ex P.C. Boyce, 2000 - Ráy leo keri.
101. *Pothos lancifolius* Hook. f. 1893 - Ráy leo lá rách.
102. *Pothos pilulifer* Buchet ex P.C. Boyce, 2000 - Ráy leo thân vuông.
103. *Pothos repens* (Lour.) Druce. 1917 - Ráy leo; Chân rết.
104. *Pothos scandens* L. 1753 - Ráy leo lá hẹp; Dây thằn lằn; Dây cù bện.
105. *Pothos touranensis* Gagnep. 1941 - Ráy leo đà nẵng.
106. *Pothos vietnamensis* V.D. Nguyen & P.C. Boyce, 2017 - Ráy leo Việt Nam.
- Pycnospatha Thorel ex Gagnep. 1941 - Nửa gai**
107. *Pycnospatha arietina* Gagnep. 1941.
- Remusatia Schott, 1832 - Ráy mô**
108. *Remusatia vivipara* (Roxb.) Schott, 1832 - Ráy mô đẹp.
- Rhaphidophora Hassk. 1842 - Chi đuôi phượng**
109. *Rhaphidophora bonii* Engl. & K. Krause, 1908 - Đuôi phượng bon.
110. *Rhaphidophora chevalieri* Gagnep. 1941 - Đuôi phượng che-va-lie.
111. *Rhaphidophora crassicaulis* Engl. & K. Krause, 1908 - Đuôi phượng thân mập.
112. *Rhaphidophora decursiva* (Roxb.) Schott, 1857 - Lân tơ uyn.
113. *Rhaphidophora hongkongensis* Schott, 1857 - Đuôi phượng Hồng Kông.
114. *Rhaphidophora hookeri* Schott, 1857 - Tôm hùm; Cò ngom cuống dài.
115. *Rhaphidophora lacduongensis* V.D. Nguyen & B.H. Quang, 2015 - Trâm dài lạc dương.
116. *Rhaphidophora laichauensis* Gagnep. 1941 - Đuôi phượng Lai Châu.
117. *Rhaphidophora megaphylla* H. Li, 1977 - Đuôi phượng lá lớn.
118. *Rhaphidophora peepla* (Roxb.) Schott, 1857 - Đuôi phượng lá tròn.
119. *Rhaphidophora sonlanensis* V.D. Nguyen & P.C. Boyce, 2017.
120. *Rhaphidophora sulcata* Gagnep. 1941 - Đuôi phượng thân lốm.
121. *Rhaphidophora tonkinensis* Engl. & K. Krause, 1908 - Đuôi phượng Bắc Bộ.
- Sauromatum Schott, 1832 - Bán hạ hoa chùy**
122. *Sauromatum horsfieldii* Miq. 1856 - Bán hạ lá bàn đạp.
- Schismatoglottis Zoll. & Moritz. 1846 - Đoạn thiết**
123. *Schismatoglottis cadieri* Buchet & Gagnep. 1942 - Đoạn thiết cadier.
124. *Schismatoglottis harmandii* Engl. 1912 - Đoạn thiết harmandi.
- Scindapsus Schott, 1832 - Dây bá**
125. *Scindapsus officinalis* (Roxb.) Schott, 1832 - Đậu bã (An Giang), Trao ba (Tây Ninh).
126. *Scindapsus hederaceus* (Zoll. & Moritzi) Miq. 1856.
- Stuednera K. Koch, 1862 - Khoai thơm**
127. *Stuednera colocasiifolia* K. Koch, 1862 - Khoai thơm lá khoai sọ.
128. *Stuednera henryana* Engl. 1920 - Khoai thơm.
129. *Stuednera hoanglienica* V.D. Nguyen, B.H. Quang & J. Bogner, 2018.
- Typhonium Schott, 1829 - Bán hạ**
130. *Typhonium acetosella* Gagnep. 1942 - Bán hạ aceto.

131. *Typhonium bachmaense* V.D. Nguyen & Hett. 2001 - Bán hạ Bạch Mã.
132. *Typhonium blumei* Nicolson & Sivadasan, 1981 - Bán hạ lá nguyên.
133. *Typhonium circinnatum* Hett. & J. Mood, 2000 - Bán hạ mo cuộn.
134. *Typhonium cordifolium* S.Y. Hu 1968.
135. *Typhonium dongnaiense* Luu, Nguyen-Phi, H.T. Van 2017.
136. *Typhonium flagelliforme* (Lodd.) Blume, 1837 - Bán hạ roi.
137. *Typhonium hangiae* V.D. Nguyen, D.D. Nguyen, V.C. Nguyen, 2023 - Bán hạ hăng.
138. *Typhonium hayatae* Sriboonma & Murata 1994 - Bán hạ hay.
139. *Typhonium huense* V.D. Nguyen & T. Croat, 1997 - Bán hạ huế.
140. *Typhonium kbangense* V.D. Nguyen & D.Q. Diep, 2022 - Bán hạ kbang.
141. *Typhonium khonkaenese* A. Galloway & S. Charoenwong, 2015 - Bán hạ khon ka.
142. *Typhonium lineae* Hett. & V.D. Nguyen, 2001 - Bán hạ lá hẹp.
143. *Typhonium obtusum* Luu, X.B. Nguyen-Le & H.C. Nguyen, 2024 - Bán hạ tù.
144. *Typhonium penicillatum* V.D. Nguyen & Hett. 2001 - Bán hạ núm nhụy bàn chải.
145. *Typhonium phuocbinhense* V.D. Nguyen & T. Croat, 2020 - Bán hạ phước bình.
146. *Typhonium praelongum* Serebryanyi & Hett. 2023 - Bán hạ.
147. *Typhonium rhizomatum* A. Galloway & P. Schmidt, 2012 - Bán hạ thân rễ.
148. *Typhonium roxburghii* Schott, 1853.
149. *Typhonium stigmatilobatum* V.D. Nguyen, 2007 - Bán hạ núm nhụy xê thủy.
150. *Typhonium thatsonense* Luu & H.T. Van, 2017 - Bán hạ bảy núi.
151. *Typhonium vermiforme* V.D. Nguyen & T. Croat, 2010 - Bán hạ hoa công.
152. *Typhonium vietnamense* Luu et al. 2021 - Bán hạ Việt.
153. *Typhonium violifolium* Gagnep. 1942 - Bán hạ lá tím.

4. Kết luận

Nghiên cứu cập nhật được 153 loài thuộc 24 chi trong họ Ráy, trong đó có nhiều loài được phát hiện và xác định trong thời gian gần đây tại nhiều vùng sinh thái khác nhau trên cả nước. So với cuốn *Thực vật chí họ Ráy* (2017), nghiên cứu đã bổ sung thêm nhiều loài mới và ghi nhận mới, góp phần quan trọng vào việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu về thành phần loài của họ Ráy tại Việt Nam, đồng thời góp phần nâng cao hiểu biết về sự đa dạng của họ này và mức độ phong phú, độc đáo của hệ thực vật nước ta.

LỜI CẢM ƠN

Bài báo được hoàn thành dưới sự tài trợ kinh phí của đề tài dành cho cán bộ nghiên cứu cao cấp của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, mã số đề tài: NVCC 09.06/25-25 (loại B). Các tác giả xin chân thành cảm ơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] F. Gagnepain (1942), *Flore Générale De l'Indo-Chine*, 6, Masson, Paris, pp.1075-1196 (in French).
- [2] H.H. Pham (2000), *Araceae - An illustrated Flora of Vietnam*, Tre Publishing House, 3, pp.334-367 (in Vietnamese).
- [3] V.D. Nguyen, H.Q. Bui (2015), “*Rhaphidophora lacduongensis* (Araceae), a new species from Lam Dong, Vietnam”, *Blumea*, 59(3), pp.202-205, DOI: 10.3767/000651915x688416.
- [4] W.L.A. Hettterscheid (1994), “Notes on the genus *Amorphophallus* (Araceae) - 2. New species from tropical Asia”, *Blumea*, 39(1/2), pp.237-281.
- [5] W.L.A. Hettterscheid, R.W.J.M.V.D. Ham (2001), “Notes on the genus *Amorphophallus* (Araceae) - 11. New and obsolete species from East Malaysia and continental Southeast Asia”, *Blumea*, 46(2), pp.253-282.
- [6] J. Bogner, V.D. Nguyen (2008), “A new Homalomena species (Araceae) from Vietnam”, *Willdenowia*, 38, pp.527-531, DOI: 10.3372/wi.38.38212.
- [7] V.D. Nguyen, T. Croat (2006), “New species of *Hapaline* (Araceae) from Vietnam”, *Aroideana*, 29, pp.103-106.
- [8] V.D. Nguyen, P.C. Boyce (2005), “Two new species of the genus *Arisaema* (Araceae) from Northern Vietnam”, *Folia Malaysiana*, 6(1&2), pp.35-40.
- [9] V.D. Nguyen, H.Q. Bui, M.T. Ha, et al. (2017a), “*Rhaphidophora sonlaensis* (Araceae), a new species from northern Vietnam”, *Ann. Bot. Fennici*, 54, pp.111-115, DOI: 10.5735/085.054.0317.
- [10] P.J. Matthews, V.D. Nguyen, Q. Fang, et al. (2022), “*Colocasia spongifolia* sp. nov. (Araceae) in southern China and central Vietnam”, *Phytotaxa*, 541(1), pp.1-9, DOI: 10.11646/phytotaxa.541.1.1.
- [11] V.D. Nguyen, V.D. Nguyen, P.C. Boyce (2017b), “*Pothos vietnamensis* sp. nov. (Araceae-Pothoideae-Potheae) from Vietnam”, *Nordic Journal of Botany*, 35(3), pp.276-280, DOI: 10.1111/njb.01434.
- [12] V.D. Nguyen, H.Q. Bui, V.T. Tran, et al. (2018), “*Stuednera hoanglienica* (Colocasiaceae-Araceae), a new species from northern Vietnam”, *Phytotaxa*, 376(5), pp.223-226.
- [13] V.D. Nguyen, T. Croat (2010), “A new species of *Typhonium* (Araceae) from Vietnam”, *JSTOR*, 20(2), pp.195-197, DOI: 10.3897/phytokeys.238.
- [14] V.D. Nguyen, X.P. Vu (2004), “One new species of the genus *Arisaema* C. Mart. (Araceae) for flora of Vietnam”, *Journal of Biology*, 26(4A), pp.54-56 (in Vietnamese).
- [15] V.D. Nguyen, H.T. Luu, Q.D. Nguyen, et al. (2016), “*Amorphophallus kienluongensis* (Araceae), a new species from the Mekong delta, Southern Vietnam”, *Blumea*, 61(1), pp.1-3, DOI: 10.3767/000651916X690395.
- [16] H.T. Luu, H.C. Nguyen, T.Q.T. Nguyen, et al. (2022), “*Arisaema vietnamense* (Section Nepenthoidea, Araceae): A new species from Vietnam”, *Academy Journal of Biology*, 44(1), pp.1-9, DOI: 10.15625/2615-9023/16646.
- [17] H.T. Van, V.S. Le, P.N. Nguyen, et al. (2021), “A new species and a new record of *Typhonium* (Araceae) from southern Vietnam”, *Phytotaxa*, 527(3), pp.201-208, DOI: 10.11646/phytotaxa.527.3.4.
- [18] H.T. Van, P.N. Nguyen, H.T. Luu (2017a), “A new species of *Arisaema* (Araceae) from Vietnam”, *Phytotaxa*, 277(1), pp.090-094, DOI: 10.11646/phytotaxa.527.3.4.
- [19] H.T. Van, P.N. Nguyen, N.L. Vu, et al. (2017b), “*Typhonium dongnaiense* (Araceae), a new species from Vietnam”, *Ann. Bot. Fennici*, 54, pp.405-408.